

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2023/HS-ST

Ngày 25/4/2023

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG, TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vương M Tân và ông Hà Hữu Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Diệu Thương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 41/2023/TLST- HS ngày 11 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2023/QĐXXST- HS ngày 14/4/2023, đối với bị cáo:

Lê M; Sinh ngày 22/5/1975 tại thành phố Tuyên Quang

Nơi cư trú: Tổ dân phố 11, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 07/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Lê Xuân T (đã chết) và Trần Thị T2 (sinh năm 1930); có chồng là Nguyễn Văn H (sinh năm 1967) và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: - Ngày 08/5/2017, Công an phường Tân Quang, thành phố Tuyên Quang ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 22/QĐ-XPVPHC, xử phạt về hành vi mua số lô, số đề trái phép bằng hình thức phạt tiền (số tiền 750.000 đồng; đã chấp hành xong ngày 09/5/2017).

- Ngày 14/6/2018, Công an thành phố Tuyên Quang ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 197/QĐ-XPVPHC, về hành vi mua số lô, số đề trái phép bằng hình thức phạt tiền (số tiền 350.000 đồng; đã chấp hành xong ngày 28/6/2018).

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú tại phường P, thành phố T.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Nguyễn P; sinh năm 1975; cư trú tại: Tổ dân phố 04, phường Y, thành phố T. Vắng mặt.

- Chị Phạm A; sinh năm 1983; cư trú tại: Tổ dân phố 14, phường P, thành phố T (Hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang trong vụ án khác). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ ngày 10/8/2020 đến ngày 09/02/2022, Lê M đã nhiều lần cho Nguyễn P và Phạm A vay tiền với mức lãi suất cao từ 3.051 đồng đến 4.000 đồng/01 triệu/01 ngày, tương ứng với mức lãi suất từ 111,36%/năm đến 146%/năm, gấp 5,57 lần đến 7,3 lần so với mức lãi suất cao nhất (20%/01 năm) quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, mục đích để thu lợi nhuận. Hình thức cho vay “bát họ”, tức là sau khi vay tiền, người vay sẽ phải trả cả tiền gốc và tiền lãi theo ngày trong vòng từ 59 ngày đến 100 ngày. Khi chưa hết thời hạn vay tiền, nếu người vay muốn vay tiếp thì phải tất toán toàn bộ khoản vay và trả tiền lãi đúng như số ngày đã thỏa thuận. Người vay tiền có thể viết giấy vay tiền với nội dung vay một khoản tiền cụ thể, không ghi lãi suất hoặc không phải viết giấy vay tiền và cũng không phải thế chấp tài sản. Việc thu lãi hằng ngày do bị cáo M trực tiếp thu tiền mặt của người vay hoặc người vay chuyển tiền bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của bị cáo M. Khi người vay trả hết số tiền gốc và lãi, bị cáo M hủy giấy vay tiền mà người vay đã viết.

Quá trình điều tra xác định Lê M cho Nguyễn P và Phạm A vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, cụ thể như sau:

1. Cho chị Nguyễn P, cư trú tại tổ dân phố 04, phường Y, thành phố T vay 05 lần:

Lần 1: Ngày 10/8/2020, M cho P vay số tiền gốc 200.000.000 đồng, thời hạn vay là 59 ngày, theo thỏa thuận P phải trả cho M số tiền gốc và lãi mỗi ngày là 4.000.000 đồng, từ ngày 10/8/2020 đến ngày 07/10/2020, P phải trả cho M tổng số tiền 236.000.000 đồng, gồm 200.000.000 đồng tiền gốc và 36.000.000 đồng tiền lãi; trong đó, tiền lãi hợp pháp là 6.465.753 đồng; tiền lãi thu lợi bất chính là 29.534.247 đồng, tương ứng mức lãi suất 3.051 đồng/01 triệu/01 ngày với mức 111,36%/năm, gấp 5,57 lần lãi suất theo quy định. Do P không có đủ tiền trả cho M như thỏa thuận nên tính đến ngày 07/10/2020, P đã trả được cho M số tiền 216.000.000 đồng, ngày 11/10/2020 tiếp tục trả số tiền 20.000.000 đồng còn lại.

Lần 2: Ngày 09/11/2020, M cho P vay số tiền gốc 70.000.000 đồng, thời hạn vay là 100 ngày, theo thỏa thuận P phải trả cho M số tiền gốc và lãi mỗi ngày là 980.000 đồng, từ ngày 09/11/2020 đến ngày 16/02/2021, P đã trả cho M tổng số tiền 98.000.000 đồng, gồm 70.000.000 đồng tiền gốc và 28.000.000 đồng tiền lãi. Trong đó, tiền lãi hợp pháp là 3.835.616 đồng; tiền lãi thu lợi bất chính là 24.164.384 đồng, tương ứng mức lãi suất 4.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày với mức 146%/năm, gấp 7,3 lần lãi suất theo quy định.

Lần 3: Ngày 17/02/2021, M cho P vay số tiền gốc 130.000.000 đồng, thời hạn vay là 59 ngày, theo thỏa thuận P phải trả cho M số tiền gốc và lãi mỗi ngày là 2.600.000 đồng. Từ ngày 17/02/2021 đến ngày 16/4/2021, P phải trả cho M tổng số tiền 153.400.000 đồng, gồm 130.000.000 tiền gốc và 23.400.000 đồng tiền lãi; trong

đó, tiền lãi hợp pháp là 4.202.740 đồng; tiền lãi thu lợi bất chính là 19.197.260 đồng, tương ứng mức lãi suất 3.051 đồng/01 triệu đồng/01 ngày với mức 111,36%/năm, gấp 5,57 lần lãi suất theo quy định. Do có tiền trả trước nên đến ngày 13/4/2021, P đã trả đủ cho M toàn bộ số tiền trên.

Lần 4: Ngày 14/4/2021, M cho P vay số tiền gốc 200.000.000 đồng, thời hạn vay là 59 ngày, theo thỏa thuận P phải trả cho M số tiền gốc và lãi mỗi ngày là 4.000.000 đồng, từ ngày 14/4/2021 đến ngày 11/6/2021, P phải trả cho M tổng số tiền 236.000.000 đồng, gồm 200.000.000 đồng tiền gốc và 36.000.000 đồng tiền lãi; trong đó, tiền lãi hợp pháp là 6.465.753 đồng; tiền lãi thu lợi bất chính là 29.534.247 đồng, tương ứng mức lãi suất 3.051 đồng/01 triệu đồng/01 ngày với mức 111,36%/năm, gấp 5,57 lần lãi suất theo quy định. Do không có đủ tiền nên tính đến ngày 01/6/2021, P trả được cho M số tiền 196.000.000 đồng; ngày 01/7/2021, P tiếp tục trả 40.000.000 đồng còn lại.

Lần 5: Ngày 02/7/2021, M cho P vay số tiền gốc 85.000.000 đồng, thời hạn vay là 59 ngày, theo thỏa thuận P phải trả cho M số tiền gốc và lãi mỗi ngày là trả 1.700.000 đồng. Từ ngày 02/7/2021 đến ngày 29/8/2021, P đã trả cho M tổng số tiền 100.300.000 đồng, gồm 85.000.000 đồng tiền gốc và 15.300.000 đồng tiền lãi; trong đó, tiền lãi hợp pháp là 2.747.945 đồng; tiền lãi thu lợi bất chính là 12.552.055 đồng, tương ứng mức lãi suất 3.051 đồng/01 triệu đồng/01 ngày với mức 111,36%/năm, gấp 5,57 lần lãi suất theo quy định.

2. Cho chị Phạm A, cư trú tại tổ dân phố 14, phường P, thành phố T vay 09 lần, thời hạn vay mỗi lần là 59 ngày với cùng mức lãi suất cao là 3.051 đồng/01 triệu/01 ngày, tương ứng mức 111,36%/năm, gấp 5,57 lần lãi suất theo quy định, cụ thể:

Lần 1: Ngày 07/10/2020, M cho Tuyết A vay số tiền gốc 135.000.000 đồng, theo thỏa thuận mỗi ngày Tuyết A phải trả cho M số tiền gốc và lãi là 2.700.000 đồng. Từ ngày 07/10/2020 đến ngày 04/12/2020, Tuyết A trả cho M tổng số tiền 159.300.000 đồng, gồm 135.000.000 đồng tiền gốc và 24.300.000 đồng tiền lãi; trong đó, tiền lãi hợp pháp là 4.364.384 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 19.935.616 đồng.

Lần 2: Ngày 07/12/2020, M cho Tuyết A vay số tiền gốc 135.000.000 đồng, theo thỏa thuận mỗi ngày Tuyết A phải trả cho M số tiền gốc và lãi là 2.700.000 đồng. Từ ngày 07/12/2020 đến ngày 03/02/2021, Tuyết A trả cho M tổng số tiền 159.300.000 đồng, gồm 135.000.000 đồng tiền gốc và 24.300.000 đồng tiền lãi; trong đó, tiền lãi hợp pháp là 4.364.384 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 19.935.616 đồng.

Lần 3: Ngày 04/02/2021, M cho Tuyết A vay số tiền gốc 135.000.000 đồng, theo thỏa thuận mỗi ngày Tuyết A phải trả cho M số tiền gốc và lãi là 2.700.000 đồng. Từ ngày 04/02/2021 đến ngày 03/4/2021, Tuyết A trả cho M tổng số tiền 159.300.000 đồng, gồm 135.000.000 đồng tiền gốc và 24.300.000 đồng tiền lãi; trong đó, tiền lãi hợp pháp là 4.364.384 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 19.935.616 đồng.

Lần 4: Ngày 04/4/2021, M cho Tuyết A vay số tiền gốc 135.000.000 đồng, theo thỏa thuận mỗi ngày Tuyết A phải trả cho M số tiền gốc và lãi là 2.700.000 đồng. Từ ngày 04/4/2021 đến ngày 01/6/2021, Tuyết A trả cho M tổng số tiền 159.300.000

đồng, gồm 135.000.000 đồng tiền gốc và 24.300.000 đồng tiền lãi; trong đó, tiền lãi hợp pháp là 4.364.384 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 19.935.616 đồng.

Lần 5: Ngày 01/6/2021, M cho Tuyết A vay số tiền gốc 135.000.000 đồng, theo thỏa thuận mỗi ngày Tuyết A phải trả cho M số tiền gốc và lãi là 2.700.000 đồng. Từ ngày 01/6/2021 đến ngày 29/7/2021, theo thỏa thuận Tuyết A phải trả cho M tổng số tiền 159.300.000 đồng, gồm 135.000.000 đồng tiền gốc và 24.300.000 đồng tiền lãi; trong đó, tiền lãi hợp pháp là 4.364.384 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 19.935.616 đồng. Do không có đủ tiền nên tính đến ngày 29/7/2021, Tuyết A trả được cho M 86.400.000 đồng; đến ngày 30/7/2021, Tuyết A tiếp tục trả 72.900.000 đồng còn lại.

Lần 6: Ngày 01/8/2021, M cho Tuyết A vay số tiền gốc 135.000.000 đồng, theo thỏa thuận mỗi ngày Tuyết A phải trả cho M số tiền gốc và lãi là 2.700.000 đồng. Từ ngày 01/8/2021 đến ngày 28/9/2021, Tuyết A phải trả cho M tổng số tiền 159.300.000 đồng, gồm 135.000.000 đồng tiền gốc và 24.300.000 đồng tiền lãi; trong đó, tiền lãi hợp pháp là 4.364.384 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 19.935.616 đồng. Do không có đủ tiền nên tính đến ngày 28/9/2021, Tuyết A trả được cho M số tiền 78.300.000 đồng; đến ngày 30/7/2021, Tuyết A tiếp tục trả số tiền 81.000.000 đồng còn lại.

Lần 7: Ngày 09/10/2021, M cho Tuyết A vay số tiền gốc 105.000.000 đồng, theo thỏa thuận mỗi ngày Tuyết A phải trả cho M số tiền gốc và lãi là 2.100.000 đồng. Từ ngày 09/10/2021 đến ngày 06/12/2021, Tuyết A phải trả cho M tổng số tiền là 123.900.000 đồng, gồm 105.000.000 đồng tiền gốc và 18.900.000 đồng tiền lãi; trong đó, tiền lãi hợp pháp là 3.394.521 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 15.505.479 đồng. Do không có đủ tiền nên tính đến ngày 06/12/2021, Tuyết A trả được cho M số tiền 95.000.000 đồng; đến ngày 08/12/2021, Tuyết A tiếp tục trả cho M số tiền 10.000.000 đồng còn lại.

Lần 8: Ngày 12/12/2021, M cho Tuyết A vay số tiền gốc 95.000.000 đồng, theo thỏa thuận mỗi ngày Tuyết A phải trả cho M số tiền gốc và lãi là 1.900.000 đồng. Từ ngày 12/12/2021 đến ngày 08/02/2022, Tuyết A trả cho M tổng số tiền là 112.100.000 đồng, gồm 95.000.000 đồng tiền gốc và 17.100.000 đồng tiền lãi; trong đó, tiền lãi hợp pháp là 3.071.233 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 14.028.767 đồng.

Lần 9: Ngày 09/02/2022, M cho Tuyết A vay số tiền gốc là 100.000.000 đồng, theo thỏa thuận mỗi ngày Tuyết A phải trả cho M số tiền gốc và lãi là 2.000.000 đồng. Từ ngày 09/02/2022 đến ngày 08/4/2022, Tuyết A trả cho M tổng số tiền là 118.000.000 đồng, gồm 100.000.000 đồng tiền gốc và 18.000.000 đồng tiền lãi; trong đó, tiền lãi hợp pháp là 3.232.877 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 14.767.123 đồng.

Như vậy, từ ngày 10/8/2020 đến ngày 09/02/2022 Lê M đã cho chị Nguyễn P và chị Phạm A vay tiền với lãi suất cao gấp từ 5,57 lần đến 7,3 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự (20%/năm), để thu về số tiền lãi là 338.500.000 đồng, trong đó: tiền lãi hợp pháp là 59.602.740 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 278.897.260 đồng (*Hai trăm bảy mươi tám triệu tám trăm chín mươi bảy nghìn hai trăm sáu mươi đồng*).

Tại bản Cáo trạng số 49/CT-VKSTP ngày 10 tháng 4 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang đã truy tố bị cáo Lê M về tội: Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, theo khoản 2, Điều 201 Bộ luật hình sự.

Kết thúc phần tranh tụng tại phiên tòa, đại diện VKSND thành phố Tuyên Quang trình bày luận tội giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Lê M về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2, Điều 201; điểm b, i, s, khoản 1, 2, Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Lê M từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng, hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường P, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang giám sát giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Về các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Truy thu của bị cáo Lê M số tiền lãi suất 59.602.740 đồng và số tiền gốc 200.000.000 đồng. Trừ vào số tiền mà bị cáo đã nộp tại cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang là 20.000.000 đồng.

Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; tuyên quyền kháng cáo cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Lê M không trình bày lời bào chữa, nhất trí với luận tội của đại diện VKSND thành phố Tuyên Quang. Bị cáo chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhất trí với Luận tội của Kiểm sát viên và đề nghị HĐXX cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện nhiệm vụ đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố. Bị cáo không khiếu nại, thắc mắc gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về tội danh:

Tại phiên tòa, bị cáo Lê M khai nhận: Bị cáo có mối quan hệ bạn bè với chị Nguyễn P và chị Phạm A. Khi chị P và chị Tuyết A hỏi vay tiền bị cáo với lãi suất cao, do ham lợi nhuận cao nên bị cáo đã sử dụng số tiền gốc là 200.000.000 đồng cho chị P vay tiền 05 lần thu về số tiền lãi là 138.700.000 đồng (trong đó, số tiền lãi hợp pháp là 23.717.808 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 114.982.192 đồng) và cho chị Tuyết A vay 09 lần thu về số tiền lãi là 199.800.000 đồng (trong đó, số tiền lãi hợp pháp là 35.884.932 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 163.915.068 đồng). Toàn bộ số tiền gốc và lãi, chị P và chị Tuyết A đã trả cho bị cáo đầy đủ theo thỏa thuận. HĐXX thấy: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với sao kê chi tiết giao dịch ngân hàng, lời khai

của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, từ ngày 10/8/2020 đến ngày 09/02/2022 bị cáo Lê M đã cho chị Nguyễn P và chị Phạm A vay tiền với lãi suất cao gấp từ 5,57 lần đến 7,3 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự (20%/năm), để thu về số tiền lãi là 338.500.000 đồng, trong đó: tiền lãi hợp pháp là 59.602.740 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 278.897.260 đồng (*Hai trăm bảy mươi tám triệu tám trăm chín mươi bảy nghìn hai trăm sáu mươi đồng*). Căn cứ vào khoản 2, Điều 201 Bộ luật hình sự, VKSND thành phố Tuyên Quang đã truy tố bị cáo Lê M về tội: Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả (nộp tiền vào ngân sách nhà nước); người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xin cho bị cáo được hưởng hình phạt thấp nhất. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cần áp dụng cho bị cáo.

Về hình phạt: Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; có nơi cư trú rõ ràng; đủ điều kiện áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự. Vì vậy, mức hình phạt mà đại diện VKSND thành phố Tuyên Quang đề nghị HĐXX áp dụng đối với bị cáo là phù hợp cần chấp nhận.

Về hình phạt bổ sung (phạt tiền): Xét thấy bị cáo phạm tội với mục đích vụ lợi, do vậy cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về các biện pháp tư pháp: Chị Nguyễn P và chị Phạm A không yêu cầu bị cáo Lê M hoàn trả lại cho các chị số tiền bị cáo đã thu lợi bất chính nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Đối với khoản tiền gốc bị cáo sử dụng để cho vay; khoản lãi tương ứng 20% là P tiện phạm tội cần tịch thu sung ngân sách nhà nước. Cụ thể: Truy thu sung ngân sách nhà nước số tiền gốc từ bị cáo Lê M là 200.000.000 đồng và số tiền lãi suất 59.602.740 đồng.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị cáo đã tự nguyện nộp vào ngân sách nhà nước khoản tiền 20.000.000 đồng, cần trừ vào số tiền truy thu từ bị cáo.

[6] Về vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra tạm giữ 01 quyển sổ bìa màu xanh, trắng, nhãn hiệu Hồng Hà và 01 Giấy vay tiền đề ngày 02/11/2022, có chữ ký, chữ viết ghi tên người vay là Phạm Thị Huyền Trang; cần tịch thu và lưu trong hồ sơ vụ án.

[7] Về án phí và quyền kháng cáo:

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Khoản 2, Điều 201; điểm b, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 65; Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Lê M phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê M 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 25/4/2023).

Phạt tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) sung ngân sách nhà nước.

Giao bị cáo Lê M cho Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách nếu bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mới thì buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Trong thời gian thử thách của án treo nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68 và Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

3. Căn cứ: Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Truy thu sung ngân sách nhà nước từ bị cáo Lê M số tiền lãi suất 59.602.740 đồng và số tiền gốc 200.000.000 đồng. Trừ vào số tiền 20.000.000 đồng bị cáo đã nộp tại cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang theo Biên lai thu tiền số 0000245 ngày 18/4/2023. Bị cáo còn phải nộp số tiền là 239.602.740 đồng (*Ba trăm linh sáu triệu một trăm linh bảy nghìn bốn trăm bảy chín đồng*).

Tịch thu và lưu trong hồ sơ vụ án 01 quyển sổ bì màu xanh, trắng, nhãn hiệu Hồng Hà và 01 Giấy vay tiền đề ngày 02/11/2022, có chữ ký, chữ viết ghi tên người vay là Phạm H1;

4. Căn cứ: Các Điều 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bản án; Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7^a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND thành phố TQuang;
- VKSND tỉnh TQuang;
- Cơ quan CSĐT Công an TPTQuang;
- Cơ quan THAHS TPTQuang;
- UBND P. P, TPTQuang;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Hương Giang